

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Châu Nữ Thu Hân.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2017 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Mỹ M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trương Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có mặt và anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Mỹ M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H chung sống như vợ chồng vào năm 2000, anh chị có tìm hiểu trước, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị M và anh H chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11/2016, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do

anh H hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên kiểm chuyện chửi và đánh chị M. Hiện nay, vợ cHng đang sống chung nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau. Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002, Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007, hiện con chung đang sống chung với vợ cHng. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi Ánh V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao con chung tên Khánh D cho anh H nuôi, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Khánh D.

Tài sản chung: Vợ cHng có có tài sản chung là căn nhà tre, lá và các tài sản sinh hoạt trong gia đình nhưng không đáng kể. Nay chị M không yêu cầu Toà án giải quyết, vợ cHng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải, anh Trương Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn H thống nhất lời trình bày của chị M về thời gian thời gian chung sống. Tuy nhiên, anh H cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ cHng là chị M có tình cảm không trong sáng với người đàn ông khác, chị M nhắn tin quan điện thoại với người đó nhưng anh H không nhớ tên và không nhớ rõ nội dung tin nhắn. Trong lúc cãi nhau, anh H nóng giận có đánh chị M mấy tát tay, không có đánh thường xuyên như chị M trình bày. Nay anh H chưa có quyết định đồng ý ly hôn hay không, anh H sẽ có ý kiến sau.

Con chung: Vợ cHng có 02 con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002, Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007, hiện con chung đang sống chung với vợ cHng. Nếu trường hợp ly hôn, anh H yêu cầu nuôi Khánh D, đồng ý giao Ánh V cho chị M nuôi, anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi Khánh D, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Ánh V.

Tài sản chung: Vợ cHng có có tài sản chung là căn nhà tre, lá và các tài sản sinh hoạt trong gia đình nhưng không đáng kể. Nay anh H không yêu cầu Toà án giải quyết, vợ cHng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong H sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trương Văn H có địa chỉ tại xã Mỹ Tân, thành

phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn H, anh Trương Văn H trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng, anh H có mặt tại phiên hòa giải nhưng anh H không có mặt tại phiên tòa hôm nay, chị Trương Thị Mỹ M đồng ý việc xét xử vắng mặt anh Trương Văn H tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H được xác lập vào năm 2000, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của anh, chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh, chị.

[3] Xét con chung: Chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H có 02 con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002, Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007, hiện con chung đang sống chung với vợ chồng. Tại phiên tòa chị M yêu cầu nuôi hai con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 12/01/2018, anh H đồng ý giao con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002 cho chị M trực tiếp nuôi nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H không có mặt để trình bày ý kiến đối với con chung tên Ánh V. Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Trương Ánh V sống gần gũi với mẹ nhiều hơn, cháu là con gái sống chung với mẹ sẽ phù hợp tâm, sinh lý hơn, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của Ánh V nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002 cho chị M trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung tên Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007: Tại phiên hòa giải, anh H yêu cầu nuôi con chung tên Trương Khánh D, chị M đồng ý giao Khánh D cho anh H nuôi. Tại phiên tòa, chị M đồng ý Khánh D cho anh H nuôi nhưng anh H không có mặt để trình bày ý kiến đối với con chung tên Khánh D. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Khánh D là con trai, sống với cha sẽ phù hợp tâm, sinh lý nhiều hơn. Hơn nữa, cháu Khánh D cho rằng anh H vẫn chăm lo cho cháu chu đáo và cháu Khánh D cũng có vọng được sống chung với cha nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung tên Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007 cho anh H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung tên Ánh V và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Khánh D. Tại phiên hòa giải, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Ánh V và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi Khánh D nhưng tại phiên tòa anh H không có mặt để trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét tài sản chung: Tại phiên hòa giải, chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H thống nhất anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm về tài sản chung nhưng anh H không có mặt để trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét nợ chung: Tại phiên hòa giải, chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H thống nhất anh, chị không có nợ ai và không cho ai nợ. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm về nợ chung nhưng anh H không có mặt để trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trương Thị Mỹ M và anh Trương Văn H.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Mỹ M, giao con chung tên Trương Ánh V, sinh ngày 18/10/2002 cho chị M trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống với vợ chồng.

Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Văn H, giao con chung tên Trương Khánh D, sinh ngày 29/12/2007 cho anh H trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống với vợ cHng.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Trương Thị Mỹ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000071 ngày 29/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Mỹ M có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn H có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Dương sự;
- Lưu H sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh